TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06-8- 2025
V/v "Tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm

2. Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thái - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 178/2024/TLST- DS về việc " Tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2025 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Bà Châu Thị Mỹ H – sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ I, thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. (Nay Tổ 9, thôn P, xã T, thành phố Đà Nẵng)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Châu Ngọc T – sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ A, thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. (Nay T, thôn P, xã T, thành phố Đà Nẵng). Có mặt

Theo văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 12 năm 2024

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có luật sư Nguyễn Thanh C – Luật sư của Trung tâm tư vấn pháp luật Hội luật gia tỉnh Q. (Có mặt).

2/Bị đơn: Ông Ngô Hoài P – sinh năm 1980.

Địa chỉ: tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Nay tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi)

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh L – sinh năm 1992

Địa chỉ: thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt)

Theo văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 02 năm 2025

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Ngô Thị L1 –sinh năm 1950, địa chỉ: thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay thôn V, xã T, thành phố Đà Nẵng). Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Ông Võ Văn T1, địa chỉ: thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay thôn V, xã T, thành phố Đà Nẵng). Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1/Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa bà Châu Thị Mỹ H và ông Ngô Hoài P đã ly hôn nào năm 2012 theo Quyết định thuận tình ly hôn số 139/2012/QĐST-HNGĐ ngày 17/10/2012 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình ly hôn thì bà H và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bà Châu Thị Mỹ H và ông Ngô Hoài P tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 869 tờ bản đồ số 06 diện tích 144m^2, đo đạc thực tế 133,2 m^2 có giới cận:

Phía Bắc giáp đường đi

Phía Tây giáp thửa đất của ông T

Phía Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng giáp mương nước nhưng hiện nay bà Nguyễn Thị L2 đang sử dụng

Phía Đông giáp thửa đất số 870

Tài sản trên đất gồm có: 01 cây sanh, 01 cây khế, 05 bụi chuối do bà Nguyễn Thị L2 tự trồng; phần mái tạm để xe của ông Võ Văn T1

Nay yêu cầu được nhận toàn bộ thửa đất qua đo đạc thực tế là 133,1m^2. Bà Châu Thị Mỹ H đồng ý thối lại cho ông Ngô Hoài P giá trị ½ thửa đất là 350.000.000 đồng. Ông Võ Văn T1, bà Ngô Thị L1 có nghĩa vụ tháo dỡ tài sản trên đất để trả lại đất cho bà Châu Thị Mỹ H.

2/Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Giữa bà Châu Thị Mỹ H và ông Ngô Hoài P đã ly hôn nào năm 2012 theo Quyết định thuận tình ly hôn số 139/2012/QĐST-HNGĐ ngày 17/10/2012 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình ly hôn thì bà H và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bà Châu Thị Mỹ H và ông Ngô Hoài P tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 869, tờ bản đồ số 06 diện tích 144m2, theo đo đạc thực tế 133,2m^2 có giới cận:

Phía Bắc giáp đường đi

Phía Tây giáp thửa đất của ông T

Phía Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng giáp mương nước nhưng hiện nay bà Nguyễn Thị L2 đang sử dụng

Phía Đông giáp thửa đất số 870

Tài sản trên đất gồm có: 01 cây sanh, 01 cây khế, 05 bụi chuối do bà Nguyễn Thị L2 tự trồng; phần mái tạm để xe của ông Võ Văn T1.

Nay bị đơn đồng ý giao thửa đất số 869 tờ bản đồ số 06 diện tích đo đạc thực tế 133,2m^2 cho bà Châu Thị Mỹ H, bà Châu Thị Mỹ Hoàng T2 lại ½ giá trị thửa đất cho ông là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng)

3/Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T1 trình bày: Đối với tài sản trên thửa đất 869, tờ bản đồ số 06 địa chỉ tại xã T gồm 01 nhà tạm để xe, trụ bê tông, xà gồ gỗ, mái tôn kẽm thì ông sẽ tự tháo dỡ để trả lại đất cho vợ chồng ông ngô Hoài P, bà Châu Thị Mỹ H.

4/Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị L1 trình bày: Đối với tài sản trên đất gồm 01 cây khế, 05 bụi chuối, cây sanh thì bà tự chặt để trả lại đất cho vợ chồng ông Ngô Hoài P, bà Châu Thị Mỹ H.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Châu Thị Mỹ H, chia đôi giá trị thửa đất 869 tờ bản đồ số 6 địa chỉ tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (Nay là xã N, thành phố Đà Nẵng). Bà Châu Thị Mỹ H được nhận thửa đất và có trách nhiệm thối lại cho ông Ngô Hoài P số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Châu Thị Mỹ H có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung với ông Ngô Hoài P ở tổ dân phố T, phường P (Nay là tổ dân phố T, phường S), tỉnh Quảng Ngãi. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận thửa đất 869 tờ bản đồ số 06 xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã N, thành phố Đà Nẵng) được Ủy ban nhân dân huyện N (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 269608 ngày 06/10/2009 là tài sản chung của vợ chồng bà Châu Thị Mỹ H, ông Ngô Hoài P tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận thửa đất số 869 tờ bản đồ số 06 tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã N, thành phố Đà Nẵng) là tài sản chung của vợ chồng bà H, ông P tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Do đó việc bà Châu Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu chia tại sản chung với ông Ngô Hoài P thửa đất số 869, tờ bản đồ số 06 là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa thì giữa nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận được với nhau. Theo đó ông Ngô Hoài P giao toàn bộ thửa đất 869, tờ bản đồ số 06 tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã N, thành phố Đà Nẵng) cho bà Châu Thị Mỹ H. Bà Châu Thị Mỹ H có nghĩa vụ thối lại cho ông Ngô Hoài P số tiền 350.000.000 đồng theo giá mà các bên đã thỏa thuận tại biên bản thỏa thuận giá. Vì vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự.

Giao cho bà Châu Thị Mỹ H nhận toàn bộ thửa đất số 869 tờ bản đồ số 06 tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã N, thành phố Đà Nẵng) diện tích đo đạc thực tế 133,2m^2 (được giới hạn từ điểm 1,6,7,2,3,4,5,1) có giới cận Phía Bắc giáp đường đi; Phía Tây giáp thửa đất số 869-1; Phía Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng giáp mương nước nhưng (hiện nay bà Ngô Thị L1 đang sử dụng); Phía Đông giáp thửa đất số 870 (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo là bộ phận không thể thiếu của bản án). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Châu Thị Mỹ H có quyền đến các cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Bà Châu Thị Mỹ H có nghĩa vụ thối lại cho ông Ngô Hoài P số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm, năm mươi triệu đồng)

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án ông Võ Văn T1, bà Ngô Thị L1 thống nhất dỡ, dọn tài sản trên đất để lại đất cho bà Châu Thị Mỹ H, ông Ngô Hoài P. Do thửa đất giao cho bà Châu Thị Mỹ H. Do đó, ông Võ Văn T1 có nghĩa vụ tháo dỡ 01 nhà tạm để xe, trụ bê tông, xà gồ gỗ, mái tôn kẽm để trả lại đất cho bà Châu Thị Mỹ H và bà L1 có nghĩa vụ thu dọn 01 cây khế, 05 bụi chuối, cây sanh để trả lại đất cho bà Châu Thị Mỹ H.

[3] Về chi phí tố tụng: Gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc 10.000.000 đồng nguyên đơn đã trả. Vì vậy buộc ông Ngô Hoài P trả lại cho bà Châu Thị Mỹ H số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Châu Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được nhận 350.000.000 đồng nên số tiền án phí phải chịu là: 350.000.000 đồng x 5%= 17.500.000 đồng. Được khấu trừ 2.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại biên lai số 0004350 ngày 11/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Quảng Ngãi), bà H còn phải nộp là 15.250.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc ông Ngô Hoài P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được nhận 350.000.000 đồng nên số tiền án phí phải chịu là: 350.000.000 đồng x 5%= 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 28, điểm a khoản Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 213 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Mỹ H về việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Giao cho bà Châu Thị Mỹ H nhận toàn bộ thửa đất số 869 tờ bản đồ số 06 địa chỉ tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (Nay là xã N, thành phố Đà Nẵng) diện tích đo đạc thực tế 133,2m2 (được giới hạn từ điểm 1,6,7,2,3,4,5,1) có giới cận

Phía Bắc giáp đường đi; Phía Tây giáp thửa đất số 869-1; Phía Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng giáp mương nước nhưng (hiện nay bà Ngô Thị L1 đang sử dụng); Phía Đông giáp thửa đất số 870. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo là bộ phận không thể thiếu của bản án). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Châu Thị Mỹ H có quyền đến các cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Bà Châu Thị Mỹ H có nghĩa vụ thối lại cho ông Ngô Hoài P số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm, năm mươi triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Võ Văn T1 có nghĩa vụ tháo dỡ 01 nhà tạm để xe, trụ bê tông, xà gồ gỗ, mái tôn kẽm để trả lại đất cho bà Châu Thị Mỹ H và bà L1 có nghĩa vụ thu dọn 01 cây khế, 05 bụi chuối, cây sanh để trả lại đất cho bà Châu Thị Mỹ H.

2/Về chi phí tố tụng: Buộc ông Ngô Hoài P trả lại cho bà Châu Thị Mỹ H số tiền 5.000.000 đồng.

3/Về án phí: Buộc bà Châu Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được nhận 350.000.000 đồng nên số tiền án phí phải chịu là: 350.000.000 đồng x 5%= 17.500.000 đồng. Được khấu trừ 2.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại biên lai số 0004350 ngày 11/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Quảng Ngãi), chị H còn phải nộp là 15.250.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc ông Ngô Hoài P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được nhận 350.000.000 đồng nên số tiền án phí phải chịu là: 350.000.000 đồng x 5%= 17.500.000 đồng.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV6- Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ
Nguyễn Minh Kha